

Bản án số: 503/2023/DS-PT

Ngày: 15/12/ 2023

*V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và
thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Bình**

- *Các Thẩm phán:* 1. Ông **Võ Bảo Anh**

2. Bà **Hà Thị Phương Thanh**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông **Nguyễn Trí Khương** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Ông **Lâm Thành Them** – Kiểm sát viên

Trong ngày 15 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 257/2023/TLPT-DS ngày 24 tháng 7 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 80/2023/DSST ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Ninh kiều bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 395/2023/QĐ-PT ngày 26 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* 1/ Ông **Đoàn Sắc S** sinh năm: 1972 (*có mặt*)

2/ Bà **Nguyễn Thị Hồng T** sinh năm: 1969 (*có mặt*)

Địa chỉ: Số D, đường H, khu V, P. B, quận B, TP ..

-*Bị đơn:* 1/ Bà **Đoàn Thị Cẩm V**, sinh năm: 1980 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: B N, P. A, Q. N, TP ..

Đại diện theo ủy quyền của bà V: Ông Trần Thanh V1, sinh năm 1995 (có mặt)

Địa chỉ: B T, P. C, Q. N, TP ..

2/ Ông **Trần Hoài B**, sinh năm: 1978 (*chết ngày 28/01/2022*)

Địa chỉ: Ấp T, X. T, H. P, tỉnh Hậu Giang.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông B:

1. Ông **Trần Thanh P** (C) sinh năm: 1945 (*vắng mặt*)
2. Bà **Thái Thị B1** (M) sinh năm: 1947 (*vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: Ấp T, X. T, H. P, tỉnh Hậu Giang.

3. Bà **Đoàn Thị Cẩm V** (V2) sinh năm: 1980
4. Cháu **Trần Anh T1** (Con) sinh năm: 2011
5. Cháu **Trần Tấn P1** (Con) sinh năm: 2015
6. Cháu **Trần Phước T2** (Con) sinh ngày: 08/6/2022

Cháu T1, cháu P1 và cháu T2 có người giám hộ là: Bà **Đoàn Thị Cẩm V**.

Cùng địa chỉ: B N, P. A, Q. N, TP ..

Đại diện theo ủy quyền của bà V: Ông **Trần Thanh V1** (*có mặt*)

Địa chỉ: B T, P. C, Q. N, TP ..

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Công ty cổ phần T4 (Tên gọi cũ: Công ty TNHH T4)**

Địa chỉ: Tòa nhà T, đường T, phường D, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Văn H**, sinh năm 1974 (*có mặt*)

Địa chỉ: P, nhà C, khu đô thị M, Y, phường P, thị xã H, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết nguyên đơn ông Đoàn S và bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

Ngày 26/03/2021 tại số B, đường N, phường A, quận N, TP . là nhà của ông Trần Hoài B và bà Đoàn Thị Cẩm V, ông bà có ký Bản hợp đồng cho vay tiền với ông B và bà V, ông bà cho ông B và bà V vay số tiền 2.500.000.000 đồng. Số tiền này ông bà đã vay và thế chấp tài sản tại Ngân hàng TMCP S1 – Chi nhánh C2, trụ sở chính số A, L, P. A, Q. N, TP .. Sau đó, Ngân hàng có cho ông bà vay thêm 100.000.000 đồng vào tài khoản thấu chi, ông bà đã cho vợ chồng ông B và bà V vay theo giấy ủy nhiệm chi từ Ngân hàng chuyển tiền qua tài khoản của vợ chồng ông B, bà V kèm theo đơn này. Như vậy, tổng số tiền vay là 2.600.000.000 đồng. Với lãi suất 2,5%/tháng. Tính từ ngày 25/05/2021 đến 25/12/2021, ông B và bà V có trả cho ông bà một phần tiền lãi, để ông bà đóng tiền lãi cho Ngân hàng. Còn lại số tiền lãi và số tiền gốc mà vợ chồng ông B và bà V nợ ông bà tạm tính đến ngày khởi kiện 10/05/2022 là 3.040.151.442 đồng. Ông bà lấy lãi hàng tháng theo thỏa thuận Hợp đồng cho vay tiền. Sau Tết Nguyên Đán năm 2022, ông có đến tới nhà ông B và bà V nhiều lần để trao đổi và gửi văn bản thu hồi vốn lãi để ông trả cho Ngân hàng, ông gửi thông báo lần 1, lần 2 để ông B và bà V trả tiền cho ông,

nhưng ông B và bà V tìm mọi cách để tránh né không muốn gặp ông và không trả tiền cho ông. Ông đến tận nhà hỏi chị giúp việc cho bà V - nhân viên Nha khoa của bà V thì nói ở nhà sau, ông kêu ra gặp ông thì bà V né tránh ông, không ra gặp ông. Còn hiện giờ ông B và bà V đã chặn Z và chặn cả số điện thoại của ông. Ông có báo với ông Nguyễn Văn T3, Giám đốc Ngân hàng TMCP S1 – Chi nhánh C2, ông Nguyễn Văn T3 có mời ông B và bà V lên Ngân hàng làm việc, thì bà V có đến Ngân hàng làm việc với ông Nguyễn Văn T3 - Giám đốc Ngân hàng về số tiền của ông vay nhưng bà V nói không biết và để ông S trả. Vì hiện tại tài sản của ông B và bà V khả năng trả tiền cho ông, tài sản cụ thể như sau: Nhà đang ở số B, Nguyễn Văn C1, bà V đang mở “Nha Khoa Anh T1”; Còn 3 căn nhà liền kề nằm phía sau nhà đang ở số B N; Miếng đất tại vòng xoáy cảng C, đường V, khu vực P, P. T, Q. C, TP ., có diện tích 2.156,6m² có photo Giấy CNQSDĐ kèm theo đơn này; Nhà máy T5, có diện tích 10.122,4m², tại ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau. Trước Nguyên Đán 2022 ông B kêu ông tìm người để bán và ông B và bà V hứa sẽ bán nhà máy T5 - Cà Mau sẽ trả đủ tiền cho ông một lần để ông trả cho Ngân hàng. Miếng đất tại phường A, TP S, tỉnh Đồng Tháp, thửa đất số 226, tờ bản đồ số 45, diện tích 2.747,5m², đất ở đô thị.

Những tài sản nêu trên do ông B và bà V là chủ sở hữu đúng theo quy định của pháp luật. Theo ông được biết ông Trần Hoài B đã chết vào lúc 09 giờ 00 phút, ngày 28/01/2022, do bị bệnh Covid – 19 tại Bệnh viện Đ và được đăng ký khai tử số: 26, ngày 08/02/2022 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Đồng thời, Văn bản Văn phòng Công chứng Huỳnh Văn H1, số 06/VPCC, ngày 15/02/2022, về việc Thông báo niêm yết thụ lý, Công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản, khai nhận di sản thừa kế theo quy định pháp luật của ông Trần Hoài B. Do đó ông cung cấp thông tin những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Hoài B có 05 người gồm: Ông Trần Thanh P (Cha), bà Thái Thị B1 (Mẹ), bà Đoàn Thị Cẩm V (Vợ), cháu Trần Anh T1 (Con), cháu Trần Tấn P1 (Con), cháu Trần Phước T2 (Con). Nay ông bà vẫn giữ yêu cầu khởi kiện như đơn khởi kiện và khởi kiện bổ sung về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Buộc bà V và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông B phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vay theo Bản Hợp đồng vay tiền ngày 26/03/2021 với số tiền nợ gốc là 2.500.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 01/01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (16/5/2023) và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản nợ để ông trả cho Ngân hàng.

+ Đối với số tiền 100.000.000 đồng theo ủy nhiệm chi ngày 24/01/2022, nguyên đơn xin rút đơn lại yêu cầu khởi kiện này đối với Công ty T4. Lý do: Công ty T4 đã hỗ trợ số tiền gốc và lãi cho nguyên đơn xong, không yêu cầu gì thêm.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Thanh V1 trình bày:

Ngày 24/3/2021, ông Đoàn Sắc S và bà Nguyễn Thị Hồng T có ký kết Hợp đồng góp vốn với Công ty TNHH T4 (do chồng bà là ông Trần Hoài B làm Giám đốc). Theo đó, các bên thỏa thuận ông S, bà T góp vốn với số tiền được ghi trên giấy xác nhận góp theo từng lần góp vốn và thời hạn góp vốn là 12 tháng (kể từ ngày ký hợp đồng góp vốn). Ngày 24/01/2022, ông S và bà T góp phần vốn 2.500.000.000 đồng theo Ủy nhiệm chi ngày 24/01/2022 với nội dung “*Bà Nguyễn Thị Hồng T chuyển khoản góp vốn kinh doanh xăng dầu*” và 100.000.000 đồng theo Ủy nhiệm chi ngày 24/01/2022 với nội dung “*Chuyển khoản*”. Bà được biết, trong quá trình ông S, bà T góp vốn kinh doanh vào Công ty T4 thì chồng bà là Trần Hoài B đều thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo hợp đồng góp vốn đã ký. Tuy nhiên, do chồng bà mất đột ngột nên công việc kinh doanh của công ty đang gặp nhiều vấn đề, bản thân bà cũng không nắm rõ tình hình hoạt động của công ty. Do đó, đối với các khoản tiền mà ông S, bà T khởi kiện thì đây thực chất là tiền góp vốn kinh doanh xăng dầu tại Công ty nên việc khởi kiện bà là hoàn toàn không phù hợp. Bà V không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Công Ty T4 trình bày:

Ngày 17/4/2023, Công ty T4 đã thống nhất với ông Đoàn Sắc S và bà Nguyễn Thị Hồng T như sau: Công ty T4 hỗ trợ cho ông S và bà T số tiền 100.000.000 đồng và lãi là 37.500.000 đồng. Đối với số tiền 2.500.000.000 đồng ông S và bà T chuyển vào tài khoản Ngân Tín thực chất là tiền ông S và bà T cho vợ chồng ông Trần Hoài B và vợ là bà Đoàn Thị Cẩm V vay. Vì vậy, Công ty T4 không chịu trách nhiệm liên quan đến số tiền này. Ông S và bà T đã đồng ý rút đơn khởi kiện đối với các nội dung liên quan đến Công ty T4 trong vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại. Vì vậy, Công ty T4 đề nghị Tòa án nhân dân quận Ninh kiều đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện liên quan đến Công ty T4. Không đồng ý với ý kiến của đại diện bà V cho rằng số tiền 2.500.000.000 đồng là số tiền góp vốn không phải là số tiền vay. Công ty cổ phần T4 nhận chuyển nhượng lại từ năm 2020 nhưng không điều hành, do ông B làm giám đốc điều hành Công ty T4. Đến tháng 1/2021 nhận thông tin ông B bệnh nặng đến ngày 28/01/2022 ông B chết. Sau đó chuyển nhượng lại phần vốn góp của ông B nên Trụ sở thay đổi về địa chỉ Bến Tre. Thành viên Công ty T4 không

có tên ông S và bà T. Vì khi kết nạp thành viên thì phải có nghị quyết kết nạp nhưng không hề có việc kết nạp thành viên theo hợp đồng góp vốn. Do đó, Hợp đồng góp vốn giữa ông S, bà T và Công ty T4 là không có thực, chỉ là giả cách. Số tiền 2.500.000.000 đồng là tiền vay theo bản hợp đồng vay giữa ông B, bà V và ông S, bà V, không phải tiền vốn góp theo Hợp đồng góp vốn. Bị đơn trình bày việc nguyên đơn chuyển tiền 2.500.000.000 đồng vào Công ty T4 là năm 2022, trong khi đó Hợp đồng góp vốn năm 2021, thời gian chênh lệch 01 năm, việc này cho thấy Hợp đồng góp vốn chỉ lập không để bổ sung thủ tục cho nguyên đơn vay tiền là có kế hoạch sử dụng nguồn vốn theo thủ tục của Ngân hàng để hợp thức hóa, là hợp đồng giả cách chứ thực tế là không có việc góp vốn vào Công ty T4 nên ông B sử dụng số tiền này vào mục đích cá nhân. Nguyên đơn và Công ty T4 không có việc góp vốn với nhau. Công ty T4 không biết việc bà T, ông S góp vốn vào Công ty T4, vì thành viên góp vốn không có tên bà T, ông S. Phía Công ty T4 đồng ý hỗ trợ ông S số tiền 100.000.000 đồng và lãi là 37.500.000 đồng là chia sẻ khó khăn chứ không thừa nhận bất kỳ nghĩa vụ nào của Công ty T4 với ông S, bà T. Và mục đích không muốn dính vào vụ kiện. Việc ông B sử dụng tài khoản của Công ty T4 nhằm mục đích nhận tiền, chuyển tiền cá nhân là có dấu hiệu hình sự nếu bị đơn bà V cố tình đẩy trách nhiệm cho Công ty T4 phải có trách nhiệm trong vụ án này cũng như các vụ án khác nữa thì Công ty T4 sẽ gửi đơn tố giác đến Cơ quan điều tra yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật hình sự. Theo sao kê tài khoản Công ty T4 tại Ngân hàng S1 thể hiện bà T chuyển tiền vào lúc 15h 03 phút ngày 24/01/2022 đến 16h 46 phút ông B đã rút tiền mặt. Bản chất số tiền ông S, bà T cho ông B, bà V vay là có thật.

Vụ việc hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân quận Ninh K đưa ra xét xử, tại Bản án sơ thẩm số: 80/2023/DSST ngày 17/5/2023 đã tuyên:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Sắc S và bà Nguyễn Thị Hồng T.

Buộc bị đơn bà Đoàn Thị Cẩm V và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông B gồm ông Trần Thanh P, bà Thái Thị B1, bà Đoàn Thị Cẩm V và cháu Trần Anh T1, Trần Tấn P1 và cháu Trần Phước T2 – có người giám hộ cho các cháu là bà Đoàn Thị Cẩm V có nghĩa vụ trên phần di sản được hưởng của ông B cùng có trách nhiệm liên đới với bị đơn bà Đoàn Thị Cẩm V trả cho nguyên đơn tổng số tiền: 3.184.750.000 đồng (Trong đó nợ gốc: 2.500.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 16/5/2023: 684.750.000 đồng).

Kể từ ngày 17/5/2023 bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trên số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 (20%/năm) Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với Công ty TNHH T4 (Nay là Công ty cổ phần T4) về việc trả số tiền 100.000.000 đồng và lãi phát sinh.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí, các chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 23/5/2023, bị đơn bà Đoàn Thị Cẩm V kháng cáo yêu cầu phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 30/5/2023, nguyên đơn kháng cáo yêu cầu phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên Tòa phúc thẩm ngày 21/9/2023, các đương sự có ý kiến như sau:

Nguyên đơn, Đoàn Sắc S, Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

Ông S và bà T có cho ông Trần Hoài B vay 2.500.000.000 đồng. Hợp đồng vay tiền được lập ngày 26/3/2021. Ông B hứa thanh toán tiền vốn và lãi cho phía ông S và bà T. Vì vậy, ông S và bà T yêu cầu phía bị đơn trả cho ông bà tiền vốn và tiền lãi từ khi vay đến khi xét xử sơ thẩm và xem xét lại cho phía nguyên đơn cách tính lãi của bản án sơ thẩm.

Tại phiên Tòa hôm nay, phía nguyên đơn cho rằng, đối với số tiền 1.938.932.700 đồng, ông S và bà T có thừa nhận ông B có chuyển cho bà T theo tài khoản của bà T, nhưng là để đảo hạn nợ ngân hàng chứ không phải để trả nợ.

Tại phiên Tòa ngày 21/9/2023 và tại phiên tòa hôm nay, đại diện bị đơn ông Trần Thanh VI trình bày:

Ông điều chỉnh lại yêu cầu kháng cáo, không yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án mà đề nghị xem xét vấn đề phía bị đơn còn phải thanh toán cho nguyên đơn là bao nhiêu. Cụ thể, trong tổng số nợ mà ông Trần Hoài B đã vay của ông S và bà T là 2.500.000.000 đồng, ông B đã trả được 1.938.932.700 đồng. Nợ vốn còn lại là hơn 500.000.000 đồng và lãi. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét chỉ buộc những người thừa kế của ông B phải trả lại phần nợ này.

Tại phiên tòa, cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất giao dịch của hai bên là vay tài sản, không phải hợp đồng góp vốn vào Công ty T4.

Đại diện phía Công ty T4 trình bày:

Việc giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn là vay tài sản giữa các cá nhân. Đây không phải là hợp đồng góp vốn vào công ty. Do đó, khi có tranh chấp, các bên tự giải quyết. Công ty T4 không có liên quan.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Các đương sự đã thực hiện quyền kháng cáo đúng trong hạn quy định, có nộp tạm ứng án phí nên hợp lệ về hình thức.

Về nội dung: Theo “bản hợp đồng vay tiền” được các bên xác lập ngày 26/3/2021 thể hiện, ông S cho vợ chồng ông B, bà V vay số tiền 2.500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày 26/3/2021 đến hết ngày 26/3/2022, lãi suất 2,5%/tháng, bằng 62.500.000 đồng/tháng, hai bên cam kết hợp đồng vay tiền là tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối, cuối hợp đồng có chữ ký và ghi họ tên Đoàn Thị Cẩm V, Trần Hoài B; ngoài nội dung vay tiền thì không còn thỏa thuận nào khác, không thể hiện việc ông S góp số tiền này để kinh doanh xăng dầu. Tại phiên tòa sơ thẩm, phía bà V cũng thừa nhận bà V có ký tên trong hợp đồng vay tiền.

Như vậy, có cơ sở để xác định, vợ chồng ông B, bà V đã vay của ông S số tiền 2.500.000.000 đồng, nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S là phù hợp.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm buộc người thừa kế của ông B là cháu T1, cháu P1, cháu T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là chưa đúng, vì trẻ em nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần sửa lại phần án phí cho phù hợp.

- Đối với yêu cầu kháng cáo của ông S, nhận thấy:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 7 Luật thi hành án dân sự quy định người được thi hành án có quyền “Thỏa thuận với người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm, phương thức, nội dung thi hành án”. Như vậy, ông S là người được thi hành án nên có quyền thỏa thuận với bà V và những người thừa kế của ông B về phương thức trả nợ, Tòa án chỉ có trách nhiệm chuyển giao bản án cho Cơ quan thi hành án theo quy định tại khoản 3 Điều 170 Luật thi hành án dân sự, không có thẩm quyền buộc đương sự phải thực hiện nghĩa vụ một lần khi các đương sự không thỏa thuận được với nhau về cách thức thực hiện nghĩa

vụ, nên ông S yêu cầu bà V và những người thừa kế của ông B trả một lần là chưa có cơ sở chấp nhận. Riêng đối với số tiền lãi, do sai số trong tính toán nên cần sửa lại cho chính xác, buộc bà V cùng những người thừa kế của ông B trả cho ông S số tiền lãi 687.500.000 đồng.

Tại phiên tòa, phía bà V cung cấp các chứng cứ chứng minh ông B đã chuyển vào số tài khoản của bà T, ông S tổng số tiền 1.938.932.700 đồng, thời gian giao dịch từ ngày 19/7/2021 đến ngày 23/12/2021. Ông S cũng xác định, từ ngày 25/5/2021 đến ngày 25/3/2022, ông B và bà V có trả một phần lãi để ông đóng lãi ngân hàng. Như vậy, thời gian ông B thanh toán cho ông S, bà T thông qua ngân hàng P2 với thời gian ông S trình bày về việc ông B, bà V trả lãi vay. Tuy nhiên, các bên đương sự không nêu cụ thể số tiền lãi đã thanh toán, để đảm bảo quyền lợi của các bên, cần tính lãi suất từ thời điểm ông B, bà V vay tiền đến ngày xét xử sơ thẩm, mức lãi suất 20%/năm, sau đó cộng với số tiền gốc, tổng số tiền gốc và lãi trừ đi số tiền ông B chuyển vào tài khoản của ông S, bà T là phù hợp, cụ thể như sau:

Lãi suất: 25 tháng 21 ngày x 20%/năm x 2.500.000.000 đồng = 1.070.833.332 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi: 2.500.000.000 đồng + 1.070.833.332 đồng = 3.570.833.332 đồng.

Vậy, số tiền phía bà V còn phải thanh toán cho ông S, bà T là: 3.570.833.332 đồng – 1.938.932.700 đồng = 1.631.900.632 đồng.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 80/2023/DS-ST ngày 17/5/2023 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, chấp nhận một phần kháng cáo của bà V, chấp nhận một phần kháng cáo của ông S, buộc bà V và những người thừa kế của ông B trong phạm vi di sản do ông B để lại trả cho ông S, bà T tổng số tiền 1.631.900.632 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Đoàn Sắc S và ông Trần Hoài B, bà Đoàn Thị Cẩm V có thỏa thuận về việc cho vay tiền với nhau theo bản hợp đồng vay tiền ngày 26/3/2021. Quá trình thực hiện giao dịch, ông B và bà V không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nên

ông Đoàn Sắc S, bà Nguyễn Thị Hồng T có đơn khởi kiện ông B và bà V. Tuy nhiên, ngày 28/01/2022 ông Trần Hoài B chết nên ông S, bà T khởi kiện yêu cầu bà V và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông B có trách nhiệm trả cho ông S, bà T số tiền vay. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại*” là có căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị đơn có đại diện theo ủy quyền, đương sự vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ hợp lệ đến lần thứ hai nhưng không có lý do chính đáng nên cấp phúc thẩm sẽ tiến hành xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

2] Xét kháng cáo của các đương sự:

Nguyên đơn kháng cáo yêu cầu điều chỉnh lại cách tính lãi. Tại phiên tòa, bị đơn xin xem xét lại số tiền bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn phải được căn trừ số tiền mà bị đơn đã chuyển trả cho nguyên đơn qua tài khoản của nguyên đơn. Nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu hủy án sơ thẩm.

Xét thấy: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất việc nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 2.500.000.000đồng có lãi suất và đây không phải là tiền nguyên đơn góp vốn vào Công ty T4. Bị đơn thừa nhận đây là việc giao dịch vay mượn giữa nguyên đơn và bị đơn, không liên quan đến hoạt động của Công ty T4. Cả nguyên đơn và bị đơn đều trình bày thống nhất là bị đơn có chuyển khoản cho nguyên đơn số tiền là 1.938.932.700 đồng thông qua tài khoản ngân hàng của bà Nguyễn Thị Hồng T.

Vấn đề này, hai bên trình bày không thống nhất với nhau về mục đích chuyển số tiền nêu trên. Phía bị đơn cho rằng số tiền trên là phía bị đơn chuyển để trả nợ cho nguyên đơn và chứng minh được việc đã chuyển số tiền nêu trên cho phía nguyên đơn. Đồng thời, phía nguyên đơn cũng thừa nhận đã nhận được số tiền này. Phía nguyên đơn cho rằng đây không phải là tiền trả nợ mà số tiền trên là tiền dùng để đáo hạn ngân hàng nhưng không có gì chứng minh về vấn đề mà phía nguyên đơn đã trình bày. Cho nên, phần trình bày của phía bị đơn là có căn cứ, cần phải trừ cho bị đơn số tiền 1.938.932.700 đồng trong tổng số tiền 2.500.000.000đồng mà bị đơn còn nợ nguyên đơn.

Tuy nhiên, bị đơn chưa làm rõ cụ thể số tiền nguyên mà phía bị đơn đã trả cho nguyên đơn là phần vốn hay lãi. Do đó, để đảm bảo quyền lợi các bên, chỉ có thể trừ cho bị đơn trên tổng số nợ bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn.

Tổng số tiền mà bị đơn trả cho nguyên đơn trong thời gian vay là:

Lãi suất: 25 tháng 21 ngày x 20%/năm x 2.500.000.000 đồng = 1.070.833.332 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi: 2.500.000.000 đồng + 1.070.833.332 đồng = 3.570.833.332 đồng.

Vậy, số tiền phía bà V còn phải thanh toán cho ông S, bà T là: 3.570.833.332 đồng – 1.938.932.700 đồng = 1.631.900.632 đồng.

Đây là số tiền bị đơn có nghĩa vụ phải trả cho nguyên đơn. Do đó, hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của nguyên đơn về việc điều chỉnh lại việc tính lãi và kháng cáo của bị đơn về việc xác nhận lại số tiền nợ mà bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn là có căn cứ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận sửa bản án sơ thẩm số 80/2023/DS-ST ngày 17/5/2023 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều. Nhưng do đây là những yếu tố, yêu cầu phát sinh ở cấp phúc thẩm nên cấp sơ thẩm không có lỗi nhưng cần phải điều chỉnh lại phần án phí. Cha mẹ ông B là người cao tuổi và con của ông B là người chưa thành niên nên cần xem xét không tính án phí đối với các đương sự này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa bản án sơ thẩm số 80/2023/DS-ST ngày 17/5/2023 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn.

Tuyên xử: - Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Sắc S và bà Nguyễn Thị Hồng T.

Buộc bị đơn bà Đoàn Thị Cẩm V và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông B gồm ông Trần Thanh P, bà Thái Thị B1, bà Đoàn Thị Cẩm V và cháu Trần Anh T1, Trần Tấn P1 và cháu Trần Phước T2 – có người giám hộ cho các cháu là bà Đoàn Thị Cẩm V có nghĩa vụ trên phần di sản được hưởng của ông B cùng có trách nhiệm liên đới với bị đơn bà Đoàn Thị Cẩm V trả cho ông

Đoàn SẮC S và bà Nguyễn Thị Hồng T tổng số tiền: 1.631.900.632 đồng (Một tỷ sáu trăm ba mươi một triệu chín trăm ngàn sáu trăm ba mươi hai đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, các bị đơn còn phải chịu lãi suất phát sinh theo quy định tại Điều 468 Bộ Luật tố tụng dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với Công ty TNHH T4 (Nay là Công ty cổ phần T4) về việc trả số tiền 100.000.000 đồng và lãi phát sinh.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Đoàn SẮC S và bà Nguyễn Thị Hồng T phải chịu án phí là 43.404.968 đồng trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 46.401.600 đồng theo biên lai số 0000616 ngày 06/6/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều thì ông Đoàn SẮC S và bà Nguyễn Thị Hồng T được nhận lại số tiền là 2.996.631 đồng.

+ Bị đơn bà Đoàn Thị Cẩm V phải chịu 16.319.006 đồng. Miễn án phí cho cha mẹ và các con chưa thành niên của ông Trần Hoài B.

- Về án phí phúc thẩm: Các đương sự không ai phải chịu. Nguyên đơn, ông Đoàn SẮC S và bà Nguyễn Thị Hồng T được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0001172 ngày 02/6/2023 của Chi Cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều. Bị đơn, bà Đoàn Thị Cẩm V được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0001150 ngày 30/5/2023 của Chi Cục thi hành án dân sự quận N

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP . HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ;
- Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Phạm Văn Bình

